

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HS-ST

Ngày: 08/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tuy;

Ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2019/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 16/5/2019; các Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 27/5/2019 và số 21 ngày 14/6/2019, đối với các bị cáo:

1/ Phan Công Q (Tên gọi khác: T), sinh năm 1988. Trú quán: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Phan Công Lộc. Mẹ đẻ: Phan Thị T. Vợ: Lê Ngọc A. Bị cáo có một con: Phan Công Gia B, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Trần Văn B, sinh năm 1988. Trú quán: Thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Trần Văn L. Mẹ đẻ: Trần Thị N. Vợ: Nguyễn Thị B. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ Đào Thành L, sinh năm: 1977. Trú quán: Thôn Ngô Đ, xã Lạc L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 9/10. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Đào Thanh B. Mẹ đẻ: Phạm Thị T. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Nguyễn Văn P, sinh năm: 1985. Trú quán: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Nguyễn Văn S. Mẹ đẻ: Bùi Thị L. Vợ: Nguyễn Thị T. Bị cáo có một con sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983. Trú quán: Khu P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Nguyễn Văn L (Đã chết). Mẹ đẻ: Trần Thị H. Vợ: Phạm Thị H. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/ Lê Văn Q1, sinh năm: 1971. Trú quán: Thôn Lương Xá Nam, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 7/10. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Lê Văn Cung (Đã chết). Mẹ đẻ: Hứa Thị Nhỡ. Vợ: Hoàng Thị Phiêm. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7/ Bùi Văn H, sinh năm: 1992. Trú quán: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Bùi Văn T. Mẹ đẻ: Ngô Thị M. Vợ: Nguyễn Thị H. Bị cáo có một con: Bùi Mạnh Q, sinh năm: 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974. Trú quán: Thôn L, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Nguyễn Thiện H (Đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Minh T. Vợ: Nguyễn Thị H. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9/ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987. Trú quán: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Nguyễn Văn T. Mẹ đẻ: Trần Thị T. Vợ: Hoàng Thị C. Bị cáo có một con: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

10/ Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1982. Trú quán: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Nguyễn Xuân Đ. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Y. Vợ: Nguyễn Thị X. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

11/ Trần Văn T1, sinh năm: 1967. Trú quán: Thôn A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 7/10. Nghề nghiệp: Công nhân. Bố đẻ: Trần Văn Nghĩa(Đã chết). Mẹ đẻ: Lê Thị N. Vợ: Nguyễn Thị H. Bị cáo có hai con: Trần Thị Hồng T, sinh năm 1989 và Trần Đức T, sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng: Hoàng Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 31/01/2019, Công ty TNHH sản xuất VLXD Thành Công có trụ sở tại thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tổ chức cho cán bộ, công nhân của công ty ăn tất niên cuối năm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn liên hoan xong, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Nguyễn Quốc K, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn B và Trần Văn T1 lần lượt đến phòng điện nước của công ty ngồi chơi uống nước. Tại đây các đối tượng thấy trong phòng có sẵn 02 bộ bài tú lơ khơ nên đã thống nhất cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền, cụ thể:

Phan Công Q cầm một bộ bài tú lơ khơ cùng với Nguyễn Quốc K, Lê Văn Q1 và Đào Thành L lên ngồi trên giường kê sẵn trong phòng, Q sử dụng số tiền khoảng 4.200.000 đồng, K sử dụng số tiền khoảng 3.000.000 đồng, Q1 sử dụng số tiền khoảng 5.000.000 đồng và L sử dụng số tiền khoảng 6.500.000 đồng đánh bạc cùng nhau.

Trần Văn B cầm một bộ bài tú lơ khơ cùng với Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ và Trần Văn T1 ngồi xuống chiếu cói trải dưới nền nhà đánh bạc, trong đó: B sử dụng số tiền khoảng 4.000.000 đồng, Thúc sử dụng số tiền khoảng 5.550.000 đồng, P sử dụng số tiền khoảng 6.500.000 đồng, Đ sử dụng số tiền khoảng 3.290.000 đồng, T1 sử dụng số tiền khoảng 1.270.000 đồng, D sử dụng số tiền khoảng 1.190.000 đồng và H sử dụng số tiền khoảng 1.100.000 đồng để đánh bạc cùng nhau.

Hình thức đánh “Liêng” là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 Q bài chia cho mỗi người chơi 3 Q, mỗi người phải đặt ít nhất 10.000 đồng tiền “Gà” ra chiếu bạc, sau đó tham gia “Tố” mức cao nhất là 50.000 đồng, những người tham gia “Tố” bỏ ra số tiền tương ứng để theo và “Tố” tiếp, nếu ai không theo thì úp bài thua. Những người còn lại so sánh thắng thua với nhau, thứ tự ưu tiên như sau: “Sáp” có giá trị lớn nhất gồm 3 Q bài cùng giá trị, sau đó đến “Liêng” gồm 3 Q bài có

giá trị liên tiếp, cuối cùng là so điểm. Người thắng cuộc sẽ được toàn bộ số tiền “Gà” và tiền “Tổ” của những người tham gia.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì bị lực lượng công an huyện Kim Thành phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc trên giường 01 bộ bài tú lơ khơ 52 Q và tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 16.000.000 đồng, gồm: thu trước mặt K, Q, Q1 và L số tiền 1.380.000 đồng; thu trong người các đối tượng đánh bạc 14.620.000 đồng (Trong đó thu của Q1 số tiền 3.320.000 đồng, của K số tiền 2.800.000 đồng, của Q số tiền 2.200.000 đồng và của L số tiền 6.300.000 đồng). Thu tại chiếu bạc trên nền nhà 01 bộ bài tú lơ khơ 52 Q, 01 chiếu cói màu vàng và tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 22.900.000 đồng, gồm: thu trên chiếu trước mặt các đối tượng đánh bạc số tiền 5.140.000 đồng; thu trong người các đối tượng đánh bạc 17.760.000 đồng (Trong đó thu của B số tiền 2.600.000 đồng; Thúc số tiền 4.810.000 đồng, Đ số tiền 3.470.000 đồng, của P số tiền 6.570.000 đồng và H số tiền 310.000 đồng).

Trước Cơ quan điều tra, các bị cáo K, Q, Q1, L, P, H, D, Thúc, Đ, B và T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành thu thập.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành quản lý 01 chiếu cói, 02 bộ bài tú lơ khơ (*Mỗi bộ bài có 52 Q*). Đối với số tiền 38.900.000 đồng sử dụng để đánh bạc, hiện được tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Kim Thành.

Cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn B và Trần Văn T1 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo đều xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt; Kiểm sát viên, đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị:

- *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn B và Trần Văn T1 đồng phạm phạm tội Đánh bạc.

- *Về điều luật áp dụng*:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Bùi Văn H và Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Đào Thành L, Nguyễn Văn P.

Căn cứ Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T, Lê Văn Q1.

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Bùi Văn H và Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hình phạt:

Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Phan Công Q từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Đào Thành L từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo K còn phải chấp hành từ 23 tháng 21 ngày đến 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo K cư trú phối hợp với gia đình bị cáo K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q1 từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo Q1 còn phải chấp hành từ 23 tháng 21 ngày đến 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Q1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo Q1 cư trú phối hợp với gia đình bị cáo Q1 giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo K còn phải chấp hành từ 23 tháng 21 ngày đến 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo T cư trú phối hợp với gia đình bị cáo T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 25.000.000đồng đến 35.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 25.000.000đồng đến 35.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ từ 25.000.000đồng đến 35.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 25.000.000đồng đến 35.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Nguyễn Quốc K, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo từ 12.000.000đồng đến 17.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập của các bị cáo Lê Văn Q1, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 02(Hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ 52 Q bài; 01 chiếu cói màu vàng đã qua sử dụng, kích thước 1m80x2m.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 38.900.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo và người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã thu được và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 21 giờ ngày 31/01/2019, tại phòng điện nước của công ty TNHH sản xuất VLXD Thành Công, trụ sở tại thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phan Công Q, Nguyễn Quốc K, Lê Văn Q1 và Đào Thành L đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 16.000.000 đồng. Cùng lúc này, tại chiếu dưới nền nhà, Trần Văn B, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ và Trần Văn T1 cũng đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng, được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 22.900.000 đồng.

Các bị cáo đều là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quốc K, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L và các bị cáo Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn B, Trần Văn T1 đồng phạm phạm tội Đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn B và Trần Văn T1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm đánh bạc với vai trò người thực hành, trong đó bị cáo Q và B giữ vai trò tích cực.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi đó đã vi phạm pháp luật hình sự và gây mất trật tự trị an ở địa P.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P có bố đẻ là Nguyễn Văn Sự được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Quốc K có bố đẻ là Nguyễn Văn L được

Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; bị cáo Nguyễn Quang Đ có bố đẻ là Nguyễn Xuân Diệu được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Huân chương chiến công hạng ba; bị cáo Nguyễn Văn D là người thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Kiên; bị cáo Trần Văn T1 có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba, Mẹ đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Trần Văn T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có nơi làm việc, cư trú rõ ràng, ổn định nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo và không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo về cho chính quyền địa P nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T, Lê Văn Q1, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang Đ và Trần Văn T1 cũng đảm bảo tính nghiêm minh của Pháp luật và đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và nhằm thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền nên cần thiết áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] *Về vật chứng:* Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, b, c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác định số tiền 38.900.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xác định 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc còi các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị kết luận phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Quốc K và Trần Văn T1 đồng phạm phạm tội Đánh bạc.

2/ Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Bùi Văn H và Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Đào Thành L, Nguyễn Văn P.

Căn cứ Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T, Lê Văn Q1.

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Văn D, Bùi Văn H và Trần Văn T1.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn T.

3/ Về hình phạt:

- *Hình phạt chính:*

- Xử phạt bị cáo Trần Văn B 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Phan Công Q 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Đào Thành L 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo K còn phải chấp hành 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Quốc K cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo K

cư trú phối hợp với gia đình bị cáo K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q1 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo Q1 còn phải chấp hành 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo Q1 cư trú phối hợp với gia đình bị cáo Q1 giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, được trừ đi 3 ngày tạm giữ (Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 03/02/2019), bị cáo T còn phải chấp hành 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo T cư trú phối hợp với gia đình bị cáo T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ 35.000.000, (Ba mươi năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo Đ phải nộp khoản tiền phạt trên một lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30.000.000, (Ba mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo H phải nộp khoản tiền phạt trên một lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 30.000.000, (Ba mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo D phải nộp khoản tiền phạt trên một lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 130.000.000, (Ba mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo T phải nộp khoản tiền phạt trên một lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Phan Công Q, Trần Văn B, Đào Thành L và Nguyễn Văn P, mỗi bị cáo 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Phạt các bị cáo Nguyễn Quốc K, Lê Văn Q1 và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo 13.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ 12% thu nhập của các bị cáo Nguyễn Quốc K, Lê Văn Q1, Nguyễn Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4/ Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02(Hai) bộ bài tứ lơ khơ, mỗi bộ 52 Q bài; 01 chiếc cói màu vàng đã qua sử dụng, kích thước 1m80x2m.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 38.900.000 đồng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 10 giờ, ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn B, Phan Công Q, Lê Văn Q1, Đào Thành L, Nguyễn Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Quốc K và Trần Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Công an huyện Kim Thành;
- Cơ quan THAHS, Công an huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ THA hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung